

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2022/DS-PT
Ngày: 26 -7 - 2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

THành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 6 và ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 172/2021/TLPT- DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1954 (Chết năm 2016);

Địa chỉ: Số 9/12, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B gồm:

1.1. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 816, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Anh Phạm Văn H E, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 814, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 9/12, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.4. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 12, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Anh Phạm D S, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 13, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H: Anh Cao Minh T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 273, khóm S, phường T, tHnh phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Khắc Q, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 811, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: Số 199, đường T, phường 1, tHnh phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Ông Bùi Văn D, sinh năm 1955;

2.3. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Số 810, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.4. Ông Lê Văn N, sinh năm 1954;

2.5. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Số 809, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.6. Chị Huỳnh Thị Hồng N, sinh năm 1971;

2.7. Anh Trần Trương T, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Số 808, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Khắc H, sinh năm 1966;

3.2. Chị Phạm Thị C, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Số 811, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Chị Bùi Thị L, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 243, ấp H, xã L B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Chị Lê Thị T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp Tân An, xã Tân THnh, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Chị Lê Thị Thanh NHn, sinh năm 2004;

Địa chỉ: Số 811, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Bùi Thị L, chị Lê Thị T, chị Lê Thị Thanh NHn: Ông Lê Khắc H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 811, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Anh Bùi Trung K, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 810, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Chị Bùi Thị Mỹ T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 226, tổ 2, khu phố Phước Trung, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Bùi Thị Mỹ T, anh Bùi Trung K: Ông Bùi Văn D, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 810, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Anh Trần Minh T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 808, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Minh T: Chị Huỳnh Thị Hồng N, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 808, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Anh Lê Phú K, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số 809, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Phú K: Ông Lê Văn N, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 809, ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh N, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Phó Giám đốc; Địa chỉ: Khu Đô thị mới, khóm B 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Ủy ban nhân dân huyện L.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Nh, chức vụ: Chủ tịch UBND Huyện; Địa chỉ: Quốc lộ 80, khóm B 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo:* Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

5. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

(Ông T, ông Q, ông D, bà H, ông N, bà N, anh Phương, ông H và

chị C có mặt; Ủy ban nhân dân huyện L và Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện L có đơn xin vắng mặt; Các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Huỳnh Thị B là anh Cao Minh T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp của ông Liêm Trọng H chồng của bà B. Năm 1980, NH nước có mượn phần đất tranh chấp để làm Trường T, đến năm 1985 thì di dời đi nơi khác nên Công ty vật liệu xây dựng đến quản lý, sử dụng. Đến năm 1993, Công ty vật liệu xây dựng giải thể và NH nước đã trả lại đất cho ông H và đã đi đăng ký kê Ki quyền sử dụng đất. Ông H được NH nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 5, tờ bản đồ 8a, mục đích sử dụng là CLN, đất tọa lạc xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Năm 2001, ông H chết thì bà B đã làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa số 5, tờ bản đồ 8a và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phần đất tranh chấp giữa bà B với ông Q có diện tích 526m², bị Nhà nước thu hồi làm lộ diện tích 153,3m², còn lại diện tích 241,7m².

Phần đất tranh chấp giữa bà B với hộ ông Bùi Văn D diện tích 326m², bị Nhà nước thu hồi diện tích 60,6m², còn lại diện tích 229,9m².

Phần đất tranh chấp giữa bà B với hộ ông Đặng Văn N diện tích 450m², bị NH nước thu hồi diện tích 17,6m², còn lại diện tích 390m².

Phần đất tranh chấp giữa bà B với chị Huỳnh Thị Hồng N, anh Trần Trương T diện tích 137m².

Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B yêu cầu hộ ông Lê Khắc Q, hộ ông Lê Khắc H; hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H; hộ ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N; hộ anh Trần Trương T, chị Huỳnh Thị Hồng N phải di dời toàn bộ NH ở, cây trồng, công trình phụ, vật kiến trúc khác gắn liền đất để giao trả toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp cho hộ Huỳnh Thị B thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2003 cho hộ bà Huỳnh Thị B, đất tọa lạc ấp V A, xã V, huyện L.

Cụ thể diện tích đất các hộ phải trả theo hiện trạng là: Hộ ông Lê Khắc Q cùng L đới hộ ông Lê Khắc H trả 395m²;

Hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H trả 290m²;

Hộ ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N trả 480m²;

Hộ anh Trần Trương T, chị Huỳnh Thị Hồng N trả 137m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa R754795 cấp ngày 25/4/2001 đối với thửa đất 5a, tờ bản đồ 8a, diện tích 526m² của hộ ông Lê Khắc Q và giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H - 01922 cấp ngày 08/01/2008 đối với thửa đất số 606, tờ bản đồ 8a, diện tích 326m² của hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo đạc đất và biên bản định giá tài sản tranh chấp thì thống nhất không có ý kiến.

- Các bị đơn trình bày:

+ Ông Lê Khắc Q trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lâm Chí Hiền được Nhà nước trưng dụng trước năm 1975, làm bãi vật liệu cung ứng để làm đường QL80. Sau năm 1975, Nhà nước tiếp tục sử dụng làm Trường T, đến năm 1985 Công ty vật liệu xây dựng tiếp tục sử dụng là thửa 5a, diện tích 3.270m², trong đó có Nhà tập thể ông Q ở và làm việc của Công ty vật liệu xây dựng tại ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Đến cuối năm 1992, Công ty vật liệu xây dựng giải thể và Phòng Tài chính huyện L bán hóa giá nH ở tập thể gắn liền với đất. Ông Q mua được 02 căn Nhà lán trại của Công ty vật liệu xây dựng. Đến ngày 15/5/1994, thì ông Q được cấp quyền sử dụng đất lần đầu và được cấp lại quyền sử dụng đất lần hai ngày 25/4/2001, lý do cấp lại do nH bị cháy. Khi mua xong thì ông Q cho hộ ông H mượn để ở nhờ, trong quá trình sinh sống, căn nhà xuống cấp thì ông H có hỏi ông Q để sửa nhà lại ở cũng không ai tranh chấp. Đến năm 2008, bà B tranh chấp đất được Ủy ban nhân dân xã V H giải thành, bà B hứa rút đơn không tranh chấp nữa, nhưng đến năm 2009 bà B lại tranh chấp tiếp.

Nay ông Q không đồng ý di dời nhà, cây trồng trả lại đất và có yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B trả lại tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền là 99.645.000 đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 20/8/2012 đến ngày 09/4/2021, mức lãi suất là 0,75%/tháng, thành tiền 77.723.100 đồng, tổng cộng 177.368.100 đồng. Ông Q yêu cầu Tòa án công nhận cho ông được sử dụng phần diện tích ông đang sử dụng theo hiện trạng. Đối với hộ ông H sử dụng trên phần đất này thì ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo đạc đất và biên bản định giá tài sản tranh chấp thì thống nhất không có ý kiến.

+ Ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lâm Chí Hiền, trước đây ông Hiền đã nhiều lần xin lại đất này nhưng không được nhà nước đồng ý. Sau đó, nhà nước sử dụng diện tích đất này để xây dựng nH tập thể của Công ty vật liệu xây dựng. Bà H là cán bộ của Công ty vật liệu xây dựng nên bà H, ông D ở nH tập thể của Công ty, đến năm 1992 thì Công ty giải thể. Sau khi giải thể Ủy ban nhân dân huyện L có chủ trương bán nhà ở tập thể của Công ty cho cán bộ, công nhân viên chức đã từng ở trước đây. Bà H được mua 02 căn nhà với số tiền 720.000 đồng, do Phòng Tài chính huyện L đại diện là ông N H đứng ra bán. Khi bán có Phòng Nông nghiệp - Địa chính Huyện đến đo đạc và làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho bà, ông D. Trong lúc chờ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nhà cháy nên cháy luôn giấy hẹn để nhận giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Đến năm 2008, thì bà H, ông D mới làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được nhà nước cấp quyền sử dụng đất thuộc thửa số 606, tờ bản đồ số 8a, diện tích 326m², đất ở nông thôn. Ông, bà H yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H cấp năm 1993, huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà B cấp năm 2003, thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a, công nhận cho hộ ông, bà H được sử dụng diện tích 326m², thuộc thửa đất số 606, tờ bản đồ 8a, đất tọa lạc xã V, huyện L và yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B trả lại tiền nhà nước đã thu hồi đất bồi thường số tiền 39.390.000 đồng và tiền lãi từ ngày 09/12/2011 đến ngày 09/4/2020 với số tiền 29.542.500 đồng, tổng cộng là 68.932.500 đồng.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo đạc đất và biên bản định giá tài sản tranh chấp thì thống nhất không có ý kiến.

+ Ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N cùng trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp này là của ông Lâm Chí Hiền bị nhà nước quản lý. Sau này ông Hiền đã nhiều lần khiếu nại nhưng UBND tỉnh Đồng Tháp có quyết định giải quyết không chấp nhận khiếu nại của ông Hiền và trả lời phần diện tích khiếu nại của ông Hiền không L quan gì đến phần đất của bà B. Năm 1987, ông N cán bộ Công ty vật liệu xây dựng, ông ở khu tập thể của Công ty. Đến năm 1992, thì Công ty giải thể và nhà nước bán hóa giá nhà tập thể nên ông được mua 04 căn nhà kho của xí nghiệp, giá 1.122.000 đồng. Ông đăng ký quyền sử dụng đất mới nhận giấy hẹn thì nhà cháy nên không được nhà nước cấp quyền sử dụng đất. Năm 1993, thì ông bán lại cho anh Trần Trương T, chị Huỳnh Thị Hồng N 02 căn nhà với giá là 03 chỉ vàng. Năm 1995, thì 02 căn nhà của ông bị cháy, các giấy tờ bị cháy, lúc đó hoàn cảnh khó khăn nên không có đi xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông, bà N yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B trả lại tiền nhà nước đã thu hồi đất bồi thường số tiền 7.128.000 đồng và lãi tính từ ngày 09/12/2011 đến ngày 09/3/2020 (7.128.000 đồng x 0,75%/tháng) với số tiền 5.292.540 đồng, tổng cộng 12.420.540 đồng, yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất tranh chấp theo hiện trạng và yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H cấp năm 1993, huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà B cấp năm 2003, thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo đạc, biên bản định giá tài sản tranh chấp thì thống nhất không có ý kiến.

+ Anh Trần Trương T trình bày: Vào năm 1993, anh chị có nhận chuyển nhượng của ông N, bà N 02 căn nhà nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã cất nH ở cho đến nay. Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B tranh chấp yêu cầu di dời nhà và cây trồng trả lại đất, anh không đồng ý mà cho rằng nếu Tòa án xét xử giao đất cho ai thì vợ chồng anh sẽ giao đất, còn việc ông N, bà N chuyển nhượng đất, anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này và yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của

ông H cấp năm 1993, huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà B cấp năm 2003, thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ông Lê Khắc H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp này là của ông Lâm Chí Hiền bị nhà nước quản lý. Năm 1990, ông H là cán bộ Công ty vật liệu xây dựng, ông H có ở nhà tập thể của Công ty, đến năm 1992 Công ty vật liệu xây dựng giải thể thì Phòng Tài chính huyện L bán hóa giá nhà tập thể. Ông Q mua 02 căn nhà giá 762.000 đồng, nhưng ông H có đưa cho ông Q số tiền 700.000 đồng để mua 02 căn nhà này. Đến năm 1994, thì ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 526m², trong đó 300m² đất thổ và 226m² đất vườn. Sau khi ông Q mua 02 căn nhà thì ông Q giao cho hộ ông sử dụng 01 căn nhà từ năm 1994 đến nay. Năm 1995, do nhà bị cháy nên đã mất hết giấy tờ nên đã xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q. Sau khi xây dựng lại nhà thì ông với ông Q đã sống C 01 căn nhà. Đến năm 1998 thì nhà bị hư nên ông đã đứng ra xây dựng NH mới và ở cho đến nay. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, sơ đồ đo đạc, biên bản định giá tài sản tranh chấp thì thống nhất không có ý kiến.

+ Chị Phạm Thị C, chị Huỳnh Thị Hồng N, Ủy ban nhân dân huyện L, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện L có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1/. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S yêu cầu hộ ông Lê Khắc Q (Chỉ có ông Lê Khắc Q), hộ ông Lê Khắc H (Hộ ông Lê Khắc H gồm: Ông Lê Khắc H, bà Phạm Thị C, chị Bùi Thị L, chị Lê Thị T, chị Lê Thị Thanh NHn, gọi tắt là hộ ông H) di dời toàn bộ nhà ở, cây trồng, công trình phụ trên đất trả lại quyền sử dụng đất diện tích 297,8m², đất tranh chấp thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ Huỳnh Thị B đứng tên quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Khắc Q được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 25/4/2001, số bìa R754795, thuộc thửa đất 5a, tờ bản đồ 8a, diện tích 526m², đất tọa lạc ấp V A, xã V, huyện L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S yêu cầu hộ ông Bùi Văn D (Hộ ông Bùi Văn D gồm: Ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H, anh Bùi Trung K, chị Bùi Thị Mỹ T, gọi tắt

là hộ ông D), di dời toàn bộ nhà ở, cây trồng, công trình phụ trên đất trả lại quyền sử dụng đất diện tích 228,6m², đất tranh chấp thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ Huỳnh Thị B đứng tên quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H thuộc thửa số 606, tờ bản đồ 8a, diện tích 326m², đất tọa lạc ấp V A, xã V, huyện L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S yêu cầu hộ ông Lê Văn N (Hộ ông Lê Văn N gồm: Ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N, anh Lê Phú K, gọi tắt là hộ ông N), di dời toàn bộ nhà ở, cây trồng, công trình phụ trên đất trả lại quyền sử dụng đất diện tích 457,6m², đất tranh chấp thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ Huỳnh Thị B đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp V A, xã V, huyện L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S yêu cầu hộ anh Trần Trương T (Hộ anh Trần Trương T gồm: Anh Trần Trương T, chị Huỳnh Thị Hồng N, anh Trần Minh T, gọi tắt là hộ anh Phương), di dời toàn bộ nhà ở, cây trồng, công trình phụ trên đất trả lại quyền sử dụng đất diện tích 94,2m², đất tranh chấp thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ Huỳnh Thị B đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp V A, xã V, huyện L.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Khắc Q yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S trả lại cho ông Lê Khắc Q tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền 99.645.000 đồng, tiền lãi 77.723.100 đồng, tổng cộng 177.368.100 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S trả lại cho ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền 39.390.000 đồng và tiền lãi 29.542.500 đồng, tổng cộng 68.932.500 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S trả lại cho ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền 7.128.000 đồng, tiền lãi 5.292.540 đồng, tổng cộng 12.420.540 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S yêu cầu hộ ông Lê Khắc Q, hộ ông Lê Khắc H trả lại quyền sử dụng đất diện tích 97,2m²; hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị

H trả lại quyền sử dụng đất diện tích 61,4m²; hộ ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N trả lại quyền sử dụng đất diện tích 22,4m²; hộ anh Trần Trương T, chị Huỳnh Thị Hồng N trả lại quyền sử dụng đất diện tích 42,8m², đất tranh chấp thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 8a, đất do bà Huỳnh Thị B đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp V A, xã V, huyện L.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của các bị đơn yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Liêm Trọng H năm 1993 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Huỳnh Thị B năm 2003, đất thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 8a, đất tọa lạc ấp V A, xã V, huyện L.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H trả cho ông Lê Khắc Q tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền 99.645.000 đồng, tiền lãi 77.723.100 đồng, tổng cộng 177.368.100 đồng.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H trả cho ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền 39.390.000 đồng và tiền lãi 29.542.500 đồng, tổng cộng 68.932.500 đồng.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H trả cho ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền 7.128.000 đồng, tiền lãi 5.292.540 đồng, tổng cộng 12.420.540 đồng.

Buộc ông Lê Khắc Q, ông Bùi Văn D, ông Lê Văn N trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H số tiền 4.740.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, Bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Hộ ông Lê Khắc Q được quyền sử dụng thửa đất số 5a, tờ bản đồ số 8a, diện tích theo đo đạc thực tế 297,8m², trong phạm vi các mốc M6, M7, M8, M9 về M6, do hộ ông Lê Khắc Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã V, huyện L.

Hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 606, tờ bản đồ số 8a, diện tích theo đo đạc thực tế 228,6m², trong phạm vi các mốc M5, M6, M9, M10 về M5, do hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã V, huyện L.

Hộ ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N được quyền sử dụng đất diện tích 551,8m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M10, M11, M12 về M1, thuộc một phần thửa số 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ bà Huỳnh Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã V, huyện L.

Buộc hộ bà Huỳnh Thị B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H phải giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N diện tích 551,8m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M10, M11, M12 về M1, thuộc một phần thửa số 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ bà Huỳnh Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã V, huyện L.

Đề N Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp thu hồi quyền sử dụng đất diện tích 1.078,2m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12 trở về mốc M1, thuộc một phần thửa số 5, tờ bản đồ số 8a (theo bản đồ 299), do hộ bà Huỳnh Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để cấp lại cho hộ ông Lê Khắc Q; hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H; hộ ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N.

Hộ bà Huỳnh Thị B và hộ ông Lê Khắc Q; hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H; hộ ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và kê Ki đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2018, 21/3/2019 và sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 25/6/2019, 03/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H phải nộp 13.836.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.041.000 đồng, theo lai thu số 08885 ngày 12/12/2016, phải nộp tiếp số tiền 2.795.000 đồng.

- Ông Lê Khắc Q, ông Lê Khắc H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.260.000 đồng theo lai thu số 006155 ngày 31 tháng 10 năm 2011 và lai thu số 0001504 ngày 27 tháng 01 năm 2018.

- Ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.002.000 đồng theo lai thu số 006158 ngày 31 tháng 10 năm 2018 và lai thu số 0001508 ngày 02 tháng 5 năm 2018.

- Ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 511.000 đồng theo lai thu số 006157 ngày 31 tháng 10 năm 2018 và lai thu số 0001505 ngày 27 tháng 01 năm 2018.

- Anh Trần Trương T, chị Huỳnh Thị Hồng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo lai thu số 006156 ngày 31 tháng 10 năm 2018.

Các đương sự nộp án phí dân sự sơ thẩm và nhận lại tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H nộp 7.675.000 đồng đã nộp và chi xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/6/2021 anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 18/6/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L có Quyết định kháng nghị số: 01/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện L về phần lãi suất của số tiền bồi thường đất bị thu hồi là 146.163.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Cao Minh T là người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, cung cấp giấy khai sinh bà Phạm Thị Nuôi là con của ông Phạm Văn B (Liêm Trọng H) và bà Lê Thị Nhiên, cấp sơ thẩm không đưa bà Nuôi vào tham gia tố tụng thiếu tư cách đương sự, chưa xem xét đến quyền lợi của bà Nuôi.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L vẫn giữ Quyết định kháng nghị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của chị H, anh S, anh D, anh H, anh H E, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L theo hướng không buộc chị H, anh S, anh

D, anh H, anh H E trả tiền lãi cho ông Q, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của ông D, bà H, ông N, bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn được nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chỉ có ông T, ông Q, ông D, bà H, ông N, bà N, anh Phương, ông H và chị C có mặt, còn lại các đương sự khác vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Xét yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cho rằng: Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa 5, tờ bản đồ số 8a, theo đo đạc thực tế diện tích 1.140m², do ông Liêm Trọng H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chồng bà B. Năm 1980, nhà nước mượn phần đất tranh chấp này để làm Trường T, đến năm 1985 thì di dời đi nơi khác nên Công ty vật liệu xây dựng đến quản lý, sử dụng. Đến năm 1993, Công ty vật liệu xây dựng giải thể và nhà nước đã trả lại đất cho ông H và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Liêm Trọng H ngày 26/9/1993. Sau khi ông H chết, bà B lập thủ tục thừa kế hết diện tích cấp cho hộ ông H và có sử dụng một phần trồng cây, xây dựng công trình phụ. Các bị đơn xác định mua nhà lán trại tạm trên đất, căn cứ vào phiếu thu của ông Q, chị H vào ngày 27/3/1992 và của ông N vào ngày 10/3/1992 là bán di dời trong thời hạn 10 ngày, nên nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H là đúng quy định pháp luật. Theo Công văn số: 88/UBND-NC ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân huyện L xác định việc cấp đất cho hộ ông Liêm Trọng H về thủ tục đúng theo quy định, còn việc cấp đất cho hộ ông Q và hộ ông D, bà H có công Ki theo quy định của pháp luật, nhưng về tính pháp lý chưa đảm bảo. Các bị đơn cũng thừa nhận khi nào nhà nước yêu cầu di dời

thì trả đất, chứng tỏ đất tranh chấp không phải của các bị đơn mà là đất của ông H. Ngoài ra, vào ngày 19/7/1994, Đảng ủy xã V họp và xác định đất của ông Liêm Trọng H là vào năm 1976, Ủy ban Quân quản thống nhất cấp cho hộ ông H diện tích 10.740m². Đến năm 1985, có đoàn vận động gồm các đồng chí Nguyễn Văn Nhơn, Huỳnh Nam Sơn, Lê Văn Hùng đến nhà ông H vận động cho mượn 1.000m² để xây dựng kho 3.000 tấn, ông H thống nhất với điều kiện nhà nước không sử dụng thì hoàn trả lại, phần đất còn lại ông H quản lý sử dụng hợp pháp.

Ông Q, ông H, ông D, bà H, ông N, bà N cho rằng: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lâm Chí Hiền được nhà nước trưng dụng, quản lý. Gia đình cụ Lâm Hiếu Q và con Lâm Chí Hiền rời bỏ địa phương đi từ năm 1963, do vậy chính quyền Sài Gòn giao cho ngành Công binh sử dụng làm bãi tập kết vật liệu và vôi bột để phục vụ thi công Quốc lộ 80.

Sau năm 1975, nhà nước tiếp quản giao Trường T lập trại đóng ghe xuồng, sau khi dời đi, đến năm 1985 Công ty cung ứng vật liệu xây dựng huyện Thanh Hưng (nay là huyện L) tiếp tục sử dụng, xây dựng kho 3.000 tấn, làm văn phòng, nhà ở tập thể cho cán bộ công nhân viên, đến năm 1989 thành lập Công ty vật liệu xây dựng. Đến năm 1992, Công ty vật liệu xây dựng giải thể, Phòng Tài chính huyện L bán hóa giá nhà ở tập thể gắn liền với đất. Ông Q mua được 02 căn nhà lán trại; bà H mua 02 căn nhà lán trại; ông N, bà N mua 04 căn nhà lán trại của Công ty vật liệu xây dựng. Ngày 15/5/1994, thì hộ ông Q được cấp quyền sử dụng đất thuộc thửa 5a, tờ bản đồ số 8a, diện tích 526m². Ngày 08/01/2008, hộ ông D, bà H được cấp quyền sử dụng đất thuộc thửa 606, tờ bản đồ số 8a, diện tích 326m²; riêng phần đất của hộ ông N, bà N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất hộ ông Q, ông H, hộ ông D, bà H, hộ ông N, bà N là thuộc thửa 5a, tờ bản đồ số 8a, diện tích 3.270m² là đất của Công ty vật liệu xây dựng đứng tên trên sổ mục kê của địa chính. Còn phần đất của bà B đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 8a, theo đo đạc thực tế diện tích 1.140m². Nguyên đơn cũng không có giấy tờ chứng minh đất được cấp năm 1976 và giấy mượn đất của Trường T. Đến năm 2008, bà B tranh chấp được Ủy ban nhân dân xã V H giải thành, bà B hứa rút đơn không tranh chấp nữa, nhưng đến năm 2009 bà B lại tiếp tục tranh chấp. Do đó, hai phần đất tranh chấp khác nhau nên các bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B.

[4] Theo Công văn số: 164/UBND-NC ngày 07/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện L xác định: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính theo bản đồ 299 và các giấy tờ có L quan giữa phần đất của Công ty vật liệu xây dựng quản lý, sử dụng và đất của ông Liêm Trọng H có trùng nhau, do trước đây nguồn gốc đất do Công Binh của chế độ cũ để lại. Sau giải phóng gia đình ông Liêm Trọng H chiếm sử dụng quản lý; năm 1993, ông H xin đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.500m² thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a, thời điểm ông H xin đăng ký và cấp giấy bao trùm luôn phần diện tích đất của Công ty vật liệu xây dựng quản lý. Do giữa phần đất của Công ty vật liệu xây dựng và đất của ông H quản lý, sử

dụng cấp giấy theo bản đồ 299 không có đo đạc thực tế. Trong các Quyết định bác đơn yêu cầu xin cấp lại đất của ông Lâm Chí H của UBND Huyện và UBND Tỉnh vào năm 2004, 2005. Sau năm 1975, phần đất trên nhà nước tiếp tục quản lý, sử dụng một phần làm nhà kho chứa vật liệu xây dựng và cất nhà ở tập thể cho xí nghiệp xây dựng và sau đó bàn giao lại cho Cục Dự trữ Quốc gia, diện tích còn lại giao cho một số hộ sử dụng gồm: Ông Lê Khắc Q; ông Bùi Văn D; ông Lê Văn N và ông Lâm Chí H. Năm 1993, ông Liêm Trọng H làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và được Hội đồng đăng ký đất đai xã phê duyệt, đến ngày 16/9/1993 UBND huyện T (nay huyện L) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 10.740m² trong đó có thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a, diện tích 2.500m². Năm 2001, ông Liêm Trọng H chết, đến năm 2003 bà Huỳnh Thị B lập thủ tục thừa kế hết diện tích cấp cho ông H. Đến ngày 19/5/2003, hộ bà Huỳnh Thị B được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 10.740m², trong đó có thửa số 5, tờ bản đồ số 8a, diện tích 2500m² đất trồng cây lâu năm. Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Liêm Trọng H và hồ sơ bà Huỳnh Thị B thừa kế đất của chồng là ông H là hết diện tích, cấp theo bản đồ 299 không có đo đạc thực tế, do đó không biết được trên đất cấp cho bà B có tài sản nhà và vật kiến trúc của ông Q, ông D. Về trình tự thủ tục đảm bảo đúng theo quy định tại thời điểm cấp giấy. Ngày 25/4/2001, UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Khắc Q với diện tích 526m² (300m² ONT + 226m² CLN) thuộc thửa đất số 5a (tách ra từ thửa số 5), tờ bản đồ số 8a, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 754795, số vào sổ 02202. Theo hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Khắc Q cấp theo bản đồ 299 không có khảo sát đo đạc thực tế (Tch lục bản đồ địa chính). Về trình tự thủ tục đảm bảo đúng theo quy định tại thời điểm cấp giấy. Ngày 08/01/2008, UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn D với diện tích 326m² đất ở tại nông thôn thuộc tờ bản đồ số 8a, thửa đất số 606 (tách từ thửa số 5), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 582119, số vào sổ H01922, cấp ngày 08/01/2008. Theo hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Văn D có khảo sát đo đạc thực tế. Về trình tự thủ tục đảm bảo đúng theo quy định tại thời điểm cấp giấy.

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V, huyện L ngày 14/7/2008 xác định: Phần đất tranh chấp giữa Huỳnh Thị B với các hộ Lê Khắc Q, Bùi Văn D, Lê Văn N, Trần Trương T, cùng cư ngụ ấp V A, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là phần đất thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 8a, diện tích 2.500m² đất CLN do bà Huỳnh Thị B đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 19/5/2003; thửa số 5a, tờ bản đồ số 8a, diện tích 526m² do hộ ông Lê Khắc Q đứng tên quyền sử dụng đất 25/02/2001; Thửa 606, tờ bản đồ số 8a, diện tích 326m², đất ONT do hộ ông Bùi Văn D và Đặng Thị H đứng tên quyền sử dụng đất ngày 08/01/2008; các hộ ông Lê Văn N và anh Trần Trương T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất của bà B bao gồm diện tích 04 hộ trên đang sử dụng.

Căn cứ vào các lời khai của các Bn đương sự và những tài liệu có trong hồ sơ xét thấy: Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cụ Lâm Hiếu Q, cụ Q lập di chúc cho ông Lâm Chí H thừa hưởng nhưng thực tế ông H không sử dụng mà do chính quyền Sài Gòn sử dụng làm bãi tập kết vật tư phục vụ thi công QL80. Sau ngày 30/4/1975, nhà nước tiếp tục quản lý xây dựng kho chứa vật liệu xây dựng và cất nhà ở tập thể của Công ty vật liệu xây dựng và sau đó bàn giao lại Cục dự trữ Quốc gia. Từ năm 2002 đến 2004, ông Hiền khiếu nại L tục và được cấp có thẩm quyền giải quyết bác khiếu nại. Tuy nhiên, đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Liêm Trọng H chồng bà B. Được Ủy ban quân quản xã V cấp vào năm 1976, đến năm 1980, Trường T mượn của gia đình bà B để làm trại mộc. Năm 1985, Trường T chuyển đi nơi khác nên Công ty cung ứng vật liệu xây dựng huyện T (nay là huyện L) sử dụng đất làm Công ty vật liệu xây dựng. Năm 1993, khi Công ty vật liệu xây dựng giải thể, nhà được trả đất lại cho ông H và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/9/1993. Còn các bị đơn cho rằng khi Công ty vật liệu xây dựng giải thể đã mua thanh lý nhà ở tập thể của Công ty có trên đất và cải tạo đất sử dụng ổn định đến năm 2008 phát sinh tranh chấp. Như vậy, đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp giữa các đương sự là cấp trùng thừa, nên xác định đất tranh chấp thuộc thửa 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ bà B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp V A, xã V, huyện L. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B không có giấy tờ chứng minh là Ủy ban quân quản xã V cấp đất vào năm 1976 và giấy tờ cho Trường T mượn đất và hiện nay hiện trạng kho 3.000 tấn vẫn còn, nhưng không nằm trong phần đất tranh chấp. Còn các hộ ông Q, hộ ông D, hộ ông N, bà N đã mua nhà của Công ty vật liệu xây dựng từ năm 1992. Hộ ông Q, hộ ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, riêng hộ ông N, bà N chưa đăng ký quyền sử dụng đất. Các bị đơn sử dụng đất không ai tranh chấp, Hng năm cải tạo đất và sử dụng ổn định cho đến nay. Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu phản tố ông Q; ông D, bà H; ông N, bà N khi bản án phúc thẩm số: 19/2013/DS-PT ngày 24/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật, đại diện theo ủy quyền của bà B là chị Phạm Thị H (Con bà B) đã nhận số tiền bồi thường đất cho ông Q, ông D, ông N số tiền 146.163.000 đồng, lãi phát sinh 11.855.000 đồng, tổng cộng 158.018.000 đồng, khi nhận tiền xong thì chị H cùng các anh E trong gia đình sử dụng C. Bà B mất năm 2016, còn quyền sử dụng đất diện tích 10.740m², được Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ bà B ngày 19/5/2003. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B, nên buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B trả lại

cho ông Q, ông D, bà H, ông N, bà N số tiền bồi thường đã nhận là phù hợp. Tại phiên tòa các bị đơn chỉ yêu cầu số tiền 146.163.000 đồng, lãi phát sinh 11.855.000 đồng không yêu cầu, nên xác định số tiền các bị đơn yêu cầu là 146.163.000 đồng.

[6] Đối với số tiền lãi bồi thường đất bị thu hồi mà các bị đơn yêu cầu những người thừa kế của bà B phải chịu, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn, nên Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L kháng nghị là có căn cứ. Bởi vì: Khi bản án phúc thẩm số: 19/2013/DS-PT ngày 24/01/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của bà B là chị Phạm Thị H (Con bà B) đã nhận số tiền bồi thường đất của ông Q, ông D, ông N số tiền 146.163.000 đồng, lãi phát sinh là 11.855.000 đồng, tổng cộng 158.018.000 đồng. Sau khi có Quyết định giám đốc thẩm số: 26/2016/DS-GĐT ngày 23/01/2016 của Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy toàn bộ bản án phúc thẩm số: 19/2013/DS-PT ngày 24/01/2013 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp và Bản án sơ thẩm số: 41/2011/DS-ST ngày 18/10/2011 của Tòa án huyện L, ông Q, ông D, ông N yêu cầu tính lãi trên số tiền bồi thường như sau: Ông Q yêu cầu tính lãi trên số tiền bồi thường 99.645.000 đồng, lãi là 77.723.100 đồng; ông D yêu cầu tính lãi trên số tiền bồi thường 39.390.000 đồng, lãi là 29.542.500 đồng; ông N yêu cầu tính lãi trên số tiền bồi thường 7.128.000 đồng, lãi là 5.292.540 đồng là chưa phù hợp. Vì số tiền bồi thường đất của ông Q, ông D, ông N do chị Phạm Thị H là con bà B đại diện nhận là theo bản án phúc thẩm số: 19/2013/DS-PT ngày 24/01/2013 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, kháng N của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm hộ ông N, bà N rút yêu cầu tính lãi trên số tiền nhà nước bồi thường chỉ yêu cầu nhận 7.128.000 đồng, hộ ông D, bà H rút yêu cầu tính lãi trên số tiền nhà nước bồi thường chỉ yêu cầu nhận 39.390.500 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút yêu cầu tính lãi trên số tiền bồi thường đất của hộ ông N, bà N; hộ ông D, bà H là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật, đình chỉ giải quyết đối với phần này.

Đối với hộ ông Q vẫn giữ yêu cầu tính lãi trên số tiền được bồi thường. Hội đồng xét xử không chấp nhận như đã phân tích trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B cung cấp giấy khai sinh bà Phạm Thị Nuôi là con của ông Phạm Văn B (Liên Trọng H) và bà Lê Thị Nh. Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất tranh chấp Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, biên bản lấy lời K bà Nuôi có ý kiến không yêu cầu gì trong vụ án tranh chấp này, đồng thời khi ông H chết bà B làm thủ tục thừa kế thì bà Nuôi không khiếu nại tranh chấp gì, bà B khởi kiện được nhận tiền từ bản án phúc thẩm số: 19/2013/DS-PT ngày 24/01/2013 bà Nuôi cũng không tranh chấp, việc không đưa bà Nuôi vào tham gia tố tụng không ảnh hưởng

đến giải quyết vụ án. Do đó, yêu cầu của người đại diện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q, ông D, ông N đồng ý trả lại số tiền phí thi Hình án cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B, người đại diện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B, nên ông Q, ông D, ông N trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B số tiền 4.740.500 đồng là phù hợp.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với tiền lãi trên số tiền được bồi thường là chưa có căn cứ, nên sửa một phần bản án sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

[8] Xét đề N của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, chấp nhận một phần kháng cáo của chị H, anh S, anh D, anh H, anh H E, chấp nhận kháng N của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không buộc chị H, anh S, anh D, anh H, anh H E trả tiền lãi cho ông Q, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của ông D, bà H, ông N, bà N là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính lại cho phù hợp, ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Q là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[10] Do sửa bản án sơ thẩm, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[11] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148; Điều 289 của Bộ luật tố tụng Dân sự; N quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị B.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

3. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S yêu cầu hộ ông Lê Khắc Q (Chỉ có ông Lê Khắc Q), hộ ông Lê Khắc H (Hộ ông Lê Khắc H gồm: Ông Lê Khắc H, bà Phạm Thị C, chị Bùi Thị L, chị Lê Thị T, chị Lê Thị Thanh NHn, gọi tắt là hộ ông H) di dời toàn bộ nhà ở, cây trồng, công trình phụ trên đất trả lại quyền sử dụng đất diện tích 297,8m², đất tranh chấp thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ Huỳnh Thị B đứng tên quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Khắc Q được Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 25/4/2001, số bìa R754795, thuộc thửa đất 5a, tờ bản đồ 8a, diện tích 526m², đất tọa lạc ấp V A, xã V, huyện L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S yêu cầu hộ ông Bùi Văn D (Hộ ông Bùi Văn D gồm: Ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H, anh Bùi Trung K, chị Bùi Thị Mỹ T, gọi tắt là hộ ông D), di dời toàn bộ nhà ở, cây trồng, công trình phụ trên đất trả lại quyền sử dụng đất diện tích 228,6m², đất tranh chấp thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ Huỳnh Thị B đứng tên quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H thuộc thửa số 606, tờ bản đồ 8a, diện tích 326m², đất tọa lạc ấp V A, xã V, huyện L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S yêu cầu hộ ông Lê Văn N (Hộ ông Lê Văn N gồm: Ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N, anh Lê Phú K, gọi tắt là hộ ông N), di dời toàn bộ nhà ở, cây trồng, công trình phụ trên đất trả lại quyền sử dụng đất diện tích 457,6m², đất tranh chấp thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ Huỳnh Thị B đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp V A, xã V, huyện L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S yêu cầu hộ anh Trần Trương T (Hộ anh Trần Trương T gồm: Anh Trần Trương T, chị Huỳnh Thị Hồng N, anh Trần Minh T, gọi tắt là hộ anh Phương), di dời toàn bộ nhà ở, cây trồng, công trình phụ trên đất trả lại

quyền sử dụng đất diện tích 94,2m², đất tranh chấp thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ Huỳnh Thị B đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp V A, xã V, huyện L.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Khắc Q yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S trả lại cho ông Lê Khắc Q tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền 99.645.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S trả lại cho ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền 39.390.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S trả lại cho ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền 7.128.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm Văn H, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm D S yêu cầu hộ ông Lê Khắc Q, hộ ông Lê Khắc H trả lại quyền sử dụng đất diện tích 97,2m²; hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H trả lại quyền sử dụng đất diện tích 61,4m²; hộ ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N trả lại quyền sử dụng đất diện tích 22,4m²; hộ anh Trần Trương T, chị Huỳnh Thị Hồng N trả lại quyền sử dụng đất diện tích 42,8m², đất tranh chấp thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 8a, đất do bà Huỳnh Thị B đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp V A, xã V, huyện L.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của các bị đơn yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Liêm Trọng H năm 1993 và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Huỳnh Thị B năm 2003, đất thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 8a, đất tọa lạc ấp V A, xã V, huyện L.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H trả cho ông Lê Khắc Q tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền 99.645.000 đồng.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H trả cho ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền 39.390.000 đồng.

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H trả cho ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N tiền nhà nước thu hồi đất bồi thường số tiền 7.128.000 đồng.

Buộc ông Lê Khắc Q, ông Bùi Văn D, ông Lê Văn N trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H số tiền 4.740.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, Bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Hộ ông Lê Khắc Q được quyền sử dụng thửa đất số 5a, tờ bản đồ số 8a, diện tích theo đo đạc thực tế 297,8m², trong phạm vi các mốc M6, M7, M8, M9 về M6, do hộ ông Lê Khắc Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã V, huyện L.

Hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 606, tờ bản đồ số 8a, diện tích theo đo đạc thực tế 228,6m², trong phạm vi các mốc M5, M6, M9, M10 về M5, do hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã V, huyện L.

Hộ ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N được quyền sử dụng đất diện tích 551,8m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M10, M11, M12 về M1, thuộc một phần thửa số 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ bà Huỳnh Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã V, huyện L.

Buộc hộ bà Huỳnh Thị B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H phải giao quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N diện tích 551,8m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M10, M11, M12 về M1, thuộc một phần thửa số 5, tờ bản đồ số 8a, do hộ bà Huỳnh Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã V, huyện L.

Đề N Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp thu hồi quyền sử dụng đất diện tích 1.078,2m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12 trở về mốc M1, thuộc một phần thửa số 5, tờ bản đồ số 8a (Theo bản đồ 299), do hộ bà Huỳnh Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để cấp lại cho hộ ông Lê Khắc Q; hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H; hộ ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N.

Hộ bà Huỳnh Thị B và hộ ông Lê Khắc Q; hộ ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H; hộ ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N được đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề

điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2018, 21/3/2019 và sơ đồ đo đạc phân đất tranh chấp ngày 25/6/2019, 03/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Đình chỉ giải quyết đối với ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H trả số tiền lãi 29.542.500 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H trả số tiền lãi 5.292.540 đồng.

Không chấp nhận của ông Lê Khắc Q yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H trả số tiền lãi 77.723.100 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E, chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H phải nộp 8.208.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.041.000 đồng, theo lai thu số 08885 ngày 12/12/2016, được nhận lại 2.833.000 đồng.

- Ông Lê Khắc Q, ông Lê Khắc H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.260.000 đồng theo lai thu số 006155 ngày 31 tháng 10 năm 2011 và lai thu số 0001504 ngày 27 tháng 01 năm 2018.

- Ông Bùi Văn D, bà Đặng Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.002.000 đồng theo lai thu số 006158 ngày 31 tháng 10 năm 2018 và lai thu số 0001508 ngày 02 tháng 5 năm 2018.

- Ông Lê Văn N, bà Đặng Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 511.000 đồng theo lai thu số 006157 ngày 31 tháng 10 năm 2018 và lai thu số 0001505 ngày 27 tháng 01 năm 2018.

- Anh Trần Trương T, chị Huỳnh Thị Hồng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo lai thu số 006156 ngày 31 tháng 10 năm 2018.

Các đương sự nộp án phí dân sự sơ thẩm và nhận lại tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về chi phí xE xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B gồm: Anh Phạm D S, anh Phạm Văn H E,

chị Phạm Thị H, anh Phạm Văn D, anh Phạm Văn H nộp 7.675.000 đồng đã nộp và chi xong.

6. Về án phí phúc thẩm: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0014267 ngày 02/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Tú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Dũng